

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

H: D.
Đ: 22

T. Lâm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170092	Nguyễn Lê Quốc	An	26/11/2005	CCQ2317C	2122		4,4		6,2	5,3	8,5	6,6	
2	2123120663	Nguyễn Tuấn	Anh	29/10/2005	CCQ2312K	2121		7,6		4,2	5,9	8	6,7	
3	2123030047	Lê Văn	Bảo	07/08/2005	CCQ2303B	2120		5,9		4,1	5,0	8,6	6,4	
4	2122170338	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	10/01/2004	CCQ2227B						0			Nợ học phí
5	2123050232	Mai Thái	Bình	02/10/2005	CCQ2305B	2122		5,2		5,2	5,2	7,3	6,0	
6	2122030019	Lại Thành	Đặng	14/12/2003	CCQ2203A	2121		3,9		4,0	4,0	7,9	5,6	
7	2123170208	Nguyễn Minh	Đạt	31/10/2005	CCQ2317F	2120		6,7		4,5	5,6	8,5	6,8	
8	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B	2119		5,5		4,0	4,8	7,7	6	
9	2123300120	Võ Văn	Giang	10/06/2002	CCQ2330D						0	0	0	
10	2123170112	Bùi Vi	Hào	09/01/2005	CCQ2331A	2121		9,7		6,8	8,3	8,5	8,4	
11	2123190066	Trương Ngọc	Hậu	04/01/2005	CCQ2319B	2120		7,8		4,3	6,1	8,3	7,0	
12	2122100149	Đặng Thị Thu	Hương	16/06/2004	CCQ2210E	2119		6,8		5,7	6,3	8,7	7,3	
13	2123030071	Nguyễn	Huy	02/01/2005	CCQ2303B	2122		6		6,3	6,2	8,5	7,1	
14	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	2121		6,8		7,7	7,3	8,7	7,9	
15	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	Khanh	04/03/2002	CCQ2020H	2120		6,8		4,5	5,7	7,6	6,5	
16	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	2119		5,9		5,5	5,7	8,7	6,9	
17	2122110343	Nguyễn Đăng	Khoa	05/01/2004	CCQ2211I	2122		5,9		6,4	6,2	7,4	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Lâm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/8/2026 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D6-52 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123120693	Nguyễn Thị Nhã	Linh	02/09/2003	CCQ2312L					0	0		Nợ học phí
19	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	CCQ2221C	2120	6,12	Loan	3,8	5,10	7,9	6,12	
20	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A	2119	8,12	Luân	7,1	7,7	7,8	7,7	
21	2123140042	Vân Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A	2122	6,13	Lượng	1,2	3,8	7,5	5,3	
22	2123170197	Ngô Đăng	Mạnh	26/11/2005	CCQ2317F	2121	6	Mạnh	3,0	4,5	8,5	6,1	
23	2123120034	Dương Nguyệt	Minh	14/02/2005	CCQ2312A	2120	9,5	Minh	0,8	5,2	8	6,3	
24	2122260071	Nguyễn Võ Kiều	My	22/07/2004	CCQ2226C	2119	8,5	My	0,8	4,7	8	6,0	
25	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J	9199	6,7	Hoài	5,4	6,1	8	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ: 19
H: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Lâm

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122030057	Lưu Chí	Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B	2119	Nghĩa	3,8	Nghĩa	4,2	3,84	6,7	5,1	
2	2123190032	Từ Nữ Bích	Phượng	10/10/2004	CCQ2319A	2120	Phượng	6,7	Phượng	4,0	5,2	7,9	6,4	
3	2123210173	Trần Ngọc Diễm	Quyên	15/10/2005	CCQ2321E						0	0	0	
4	2123260109	Nguyễn Đức	Tài	20/10/2005	CCQ2326D	2121	Tài	6,2	Tài	3,8	5,0	7	5,8	
5	2122050130	Dương Minh	Tấn	22/12/2004	CCQ2205D						0	0	0	
6	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	2122	Tấn	3,2	Tấn	4,1	3,7	7,8	5,3	
7	2123170065	Phan Quang	Thạch	24/09/2005	CCQ2317B	2122	Thạch	5,4	Thạch	7,6	6,5	7,8	7,0	
8	2123180052	Ngô Văn	Thành	17/07/2004	CCQ2318B	2121	Thành	4,7	Thành	1,9	3,3	8	5,2	
9	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A	2120	Thành	5,2	Thành	6,4	5,8	8,3	6,8	
10	2123140062	Nguyễn Đức	Thành	10/11/2005	CCQ2314B	2122	Thành	3,6	Thành	1,1	2,4	7,8	4,6	
11	2123170030	Phạm Văn	Thành	31/07/2005	CCQ2317A	2121	Thành	6,6	Thành	5,4	6,0	7,5	6,6	
12	2122170151	Đào Bảo	Thương	06/11/2004	CCQ2217D	2120	Thương	5,7	Thương	3,4	4,6	5,5	5,0	
13	2123030040	Bùi Ngọc	Tiến	28/08/2004	CCQ2303B	2121	Tiến	3,8	Tiến	5,3	4,6	8,5	6,2	
14	2123120119	Phan Hữu	Tinh	25/10/2004	CCQ2312C	2122	Tinh	5,1	Tinh	0,2	2,7	7,5	4,6	Nợ học phí
15	2123030046	Nguyễn Bảo	Toàn	27/08/2005	CCQ2303B	2119	Toàn	5,2	Toàn	5,4	5,3	8,3	6,5	
16	2123200022	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	04/05/2005	CCQ2320A	2120	Trâm	5,6	Trâm	5,4	5,5	8	6,5	
17	2123050042	Nguyễn Văn	Tri	24/08/2005	CCQ2305A	2121	Tri	5,3	Tri	6,0	5,7	7,5	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Lâm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn I (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123170098	Phan Hữu	Trọng	17/04/2005	CCQ2317C	2119	Trần	6.0	Trần	6.4	6.7	8.7	7.5	
19	2123170101	Nguyễn Văn	Trung	16/10/2004	CCQ2317C	2122	Trần	7.9	Trần	6.0	7.0	8	7.4	
20	2123170088	Phan Văn	Trung	31/10/2005	CCQ2317C	2121	Trần	7.4	Trần	7.6	7.5	9	8.1	
21	2123310053	Võ Quốc	Trường	26/11/2005	CCQ2331A	2120	Trần	1.0	Trần	5.2	7.6	8	7.8	
22	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A	2119	Trần	8.9	Trần	1.3	5.1	7.9	6.2	
23	2123270097	Đinh Văn	Tuấn	01/08/2005	CCQ2327C						0	0	0	
24	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B						0	0	0	Nợ học phí
25	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C	2119	Trần	8.6	Trần	8.4	8.5	9.7	9	